

Số: 26 /QĐ-SYT

Ninh Bình, ngày 05 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/việc công bố công khai Dự toán năm 2022 của Cơ quan Sở Y tế

Căn cứ quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng, Kế toán trưởng Sở Y tế Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của cơ quan Sở Y tế (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Sở Y tế và các cá nhân có liên quan thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, KTVP, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: CQ VP SỞ Y TẾ NINH BÌNH

Chương: 423

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN NĂM 2022

DV tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu	400,000,000	
1	Thu phí, lệ phí	400,000,000	
	Trong đó:		
	Thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề	400,000,000	
II	Số thu nộp NSNN	80,000,000	
1	Phí, lệ phí	80,000,000	
III	Số được để lại chi theo chế độ	320,000,000	
1	Phí, lệ phí	320,000,000	
B	DỰ TOÁN CHI NSNN	13,775,000,000	
I	Chi hoạt động thường xuyên	6,386,000,000	Nguồn tự chủ
	Trong đó:		
1	Trang phục thanh tra	9,000,000	
2	KP phòng chống lụt bão	20,000,000	
3	KP cải cách hành chính	50,000,000	
4	KP tiếp công dân, xử lý đơn thư	40,000,000	
5	Duy trì, cải tiến hệ thống ISO	12,000,000	
6	Lương và các khoản phụ cấp	4,617,000,000	
7	Chi quản lý HC	1,638,000,000	
II	Kinh phí không thường xuyên	7,389,000,000	Không tự chủ
	Trong đó		
1	Chi khen thưởng	1,356,000,000	
2	Chi mua sắm: máy in, vi tính, điều hòa...	90,000,000	
3	SC xe ô tô	60,000,000	
4	Sửa chữa cổng tường rào	700,000,000	
5	Sửa chữa khu nhà ATVSTP cũ	500,000,000	
6	Công tác phòng chống bão lụt	100,000,000	



7	Hướng dẫn kiểm tra thẩm định sơ tổng kết xã chuẩn y tế quốc gia	60,000,000	
8	KP hoạt động trang thông tin điện tử	100,500,000	
9	Kiểm tra thị trường thuốc, HNDTN, HNYTN và các HĐ khác QL dược	150,000,000	
10	Hoạt động nghiên cứu khoa học	150,000,000	
11	Giao ban khối điều trị, dự phòng, công tác TCKT.....	170,000,000	
12	KP hoạt động BCD phòng chống mù lòa	30,000,000	
13	KP HĐ BCD đổi mới phong cách, thái độ phục vụ...	30,000,000	
14	Tập huấn phòng ngừa chuẩn an toàn người bệnh, sơ cấp cứu ban đầu tai nạn giao thông cho TNV và lái xe	200,000,000	
15	Công tác truyền thông của ngành	100,000,000	
16	Triển khai, tuyên truyền, kiểm tra công tác phòng chống dịch, công tác tiêm chủng, phác đồ điều trị....	250,000,000	
17	Tập huấn đào tạo CNTT trong công tác QLKCB, luật Dược...	50,000,000	
18	Chi phục vụ các đoàn của tỉnh thăm tặng quà ngày TTVN, các cơ sở Y tế ngày lễ, tết....	200,000,000	
19	Phí duy trì phần mềm Tài sản	7,500,000	
20	Thu thập, biên soạn, SX tập san chi số thống kê ngành y tế	100,000,000	
21	KP thực hiện đề án 1816	450,000,000	
22	BD, đào tạo nâng cao năng lực công tác dự phòng, điều trị, công tác Dược, QLHN, KH, TC cho CB ngành Y tế	200,000,000	
23	Lập quy hoạch các đơn vị y tế	2,100,000,000	
24	BD, đào tạo nâng cao năng lực công tác TCKT	183,000,000	
25	KP phổ biến GDPL	20,000,000	
26	Thuê dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II	32,000,000	



AD